

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay nhờ động lực hỗ trợ đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng nhẹ trong bối cảnh TTCK toàn cầu tiếp tục diễn biến tích cực

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VIC, HSG

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi chốt lời một phần vị thế ở vùng đích kỳ vọng, NĐT được khuyến nghị canh những nhịp giảm để mở lại từng phần vị thế ở các vùng hỗ trợ đã đề cập.

12/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	925.83	+0.20
VN30	874.90	+0.04
HĐTL VN30F1M	875.00	+0.39
HNXIndex	135.90	-0.74
HNX30	254.70	-0.97
UPCoM	63.47	-0.84
USD/VND	23,179	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.53	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+4
Dầu (WTI, \$)	40.14	-1.13
Vàng (LME, \$)	1,920.04	-0.54



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 925.83 (+0.20%)
KLGD (triệu CP) 414.2 (+25.7%)
GTGD (triệu US\$) 388.5 (+35.5%)

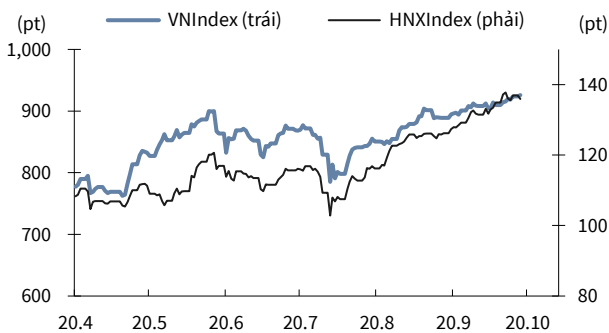
HNXIndex 135.90 (-0.74%)
KLGD (triệu CP) 64.2 (-1.3%)
GTGD (triệu US\$) 33.5 (+12.5%)

UPCoM 63.47 (-0.84%)
KLGD (triệu CP) 27.5 (-41.4%)
GTGD (triệu US\$) 16.7 (+16.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -16.8

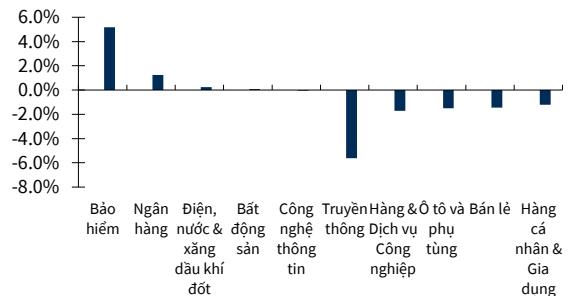
TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay nhờ động lực hỗ trợ đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng. Cụ thể, với việc Chính phủ mới đây ban hành Nghị định 121/2020 đưa nhóm ngân hàng vào danh sách lĩnh vực cho phép đầu tư bổ sung vốn Nhà nước, tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ sử dụng vốn nhà nước thực hiện tăng vốn cho các ngân hàng quốc doanh trong thời gian tới, nhóm cổ phiếu ngân hàng quốc doanh đồng loạt tăng giá ở CTG (+5.2%), VCB (+1.3%). Cổ phiếu hàng không như ACV (+0.6%), VJC (+0.6%) tăng giá sau thông tin Chính phủ đưa ra kế hoạch khởi công dự án sân bay Long Thành vào năm 2021, hoàn tất năm 2025. Cổ phiếu dầu khí như PVD (-3.7%), PVS (-3.5%) điều chỉnh, tương đồng với diễn biến giảm của giá dầu thế giới. Cổ phiếu chăn nuôi heo điều chỉnh ở DBC (-2.2%), MML (-1.6%) sau thông tin giá thịt heo hơi giảm mạnh. Cổ phiếu HSG (+0.6%) tăng giá sau khi công bố KQKD quý 3 tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở CTG (+5.2%), MSN (+3.1%), VRE (-2%).

VNIndex & HNXIndex



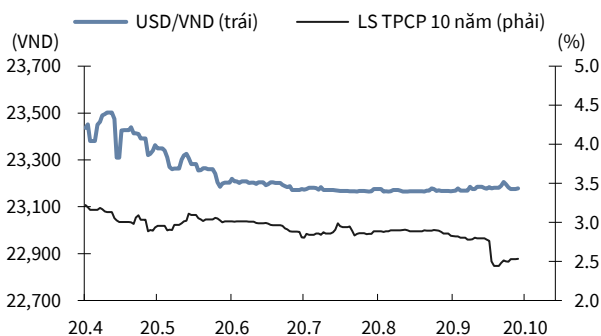
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



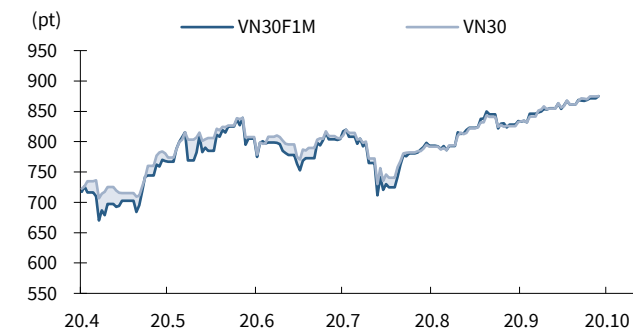
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	874.90 (+0.04%)
VN30F1M	875.0 (+0.39%)
Mở cửa	875.0
Cao nhất	878.8
Thấp nhất	873.0
KLGD (HĐ)	92,966 (+15.5%)

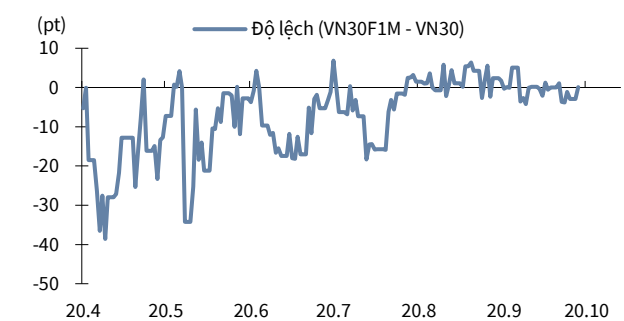
HĐTL tăng nhẹ trong bối cảnh TTCK toàn cầu tiếp tục diễn biến tích cực. Chênh lệch F2010 và VN30 mở cửa ở 0.47 trước khi sụt giảm xuống mức thấp nhất -5.6 do áp lực SHORT gia tăng. Chênh lệch sau đó thu hẹp dần vào cuối phiên và đóng cửa ở mức 0.1 trong bối cảnh nhà đầu tư nội cover vị thế SHORT trong phiên trước diễn biến tăng của TTCK toàn cầu. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay và thanh khoản được cải thiện nhẹ

HĐTL VN30F1M & VN30



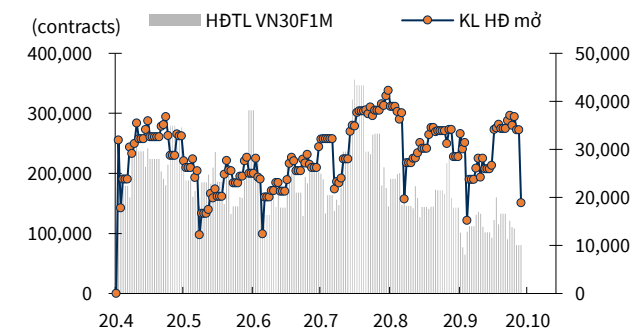
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



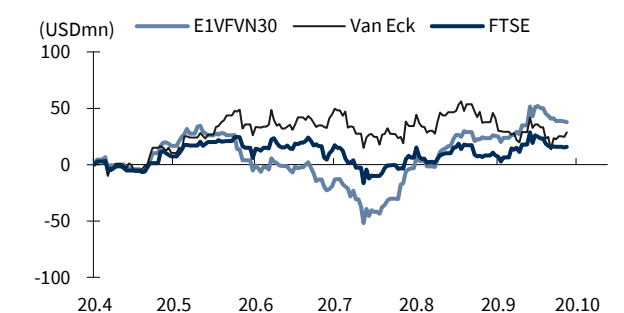
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

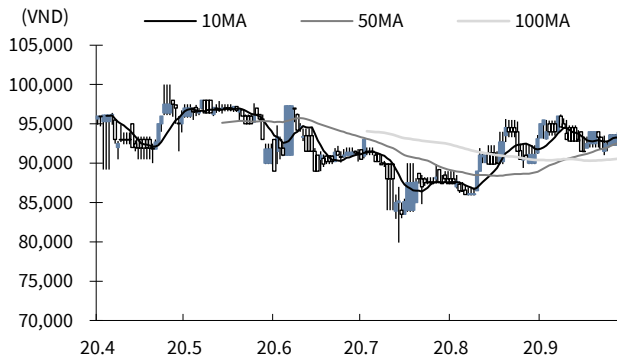
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Vingroup (VIC)

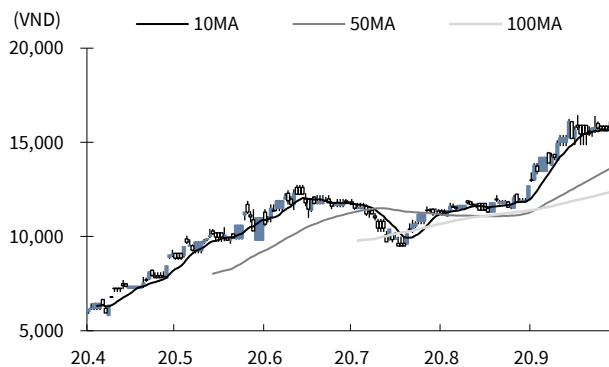


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng 0.3% lên 93,900 VNĐ/cp.

- Lãnh đạo Vinsmart, công ty con của tập đoàn Vingroup, cho biết doanh nghiệp này đang sản xuất điện thoại cho một nhà mạng lớn tại Mỹ, tuy nhiên, hãng chỉ gia công - đóng vai trò là một OEM (nhà sản xuất thiết bị gốc). Lô hàng đầu tiên đã xuất khẩu đi Mỹ cách đây một tháng. Hợp đồng gia công này được VinSmart ký gần một năm trước, gồm 4 dòng điện thoại khác nhau, với số lượng khoảng 1.5 đến 2 triệu chiếc.

Hoa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG tăng 0.6% lên 15,800 VNĐ/cp.

- HSG vừa công bố ước kết quả kinh doanh hợp nhất quý IV niên độ tài chính 2019-2020 (từ ngày 1/7 đến ngày 30/9). Theo đó, lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 400 tỷ đồng (gấp 4.8 lần cùng kỳ) với doanh thu 8,349 tỷ (+36% YoY). Sản lượng tiêu thụ quý IV ước đạt 525,227 tấn (+46% YoY).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

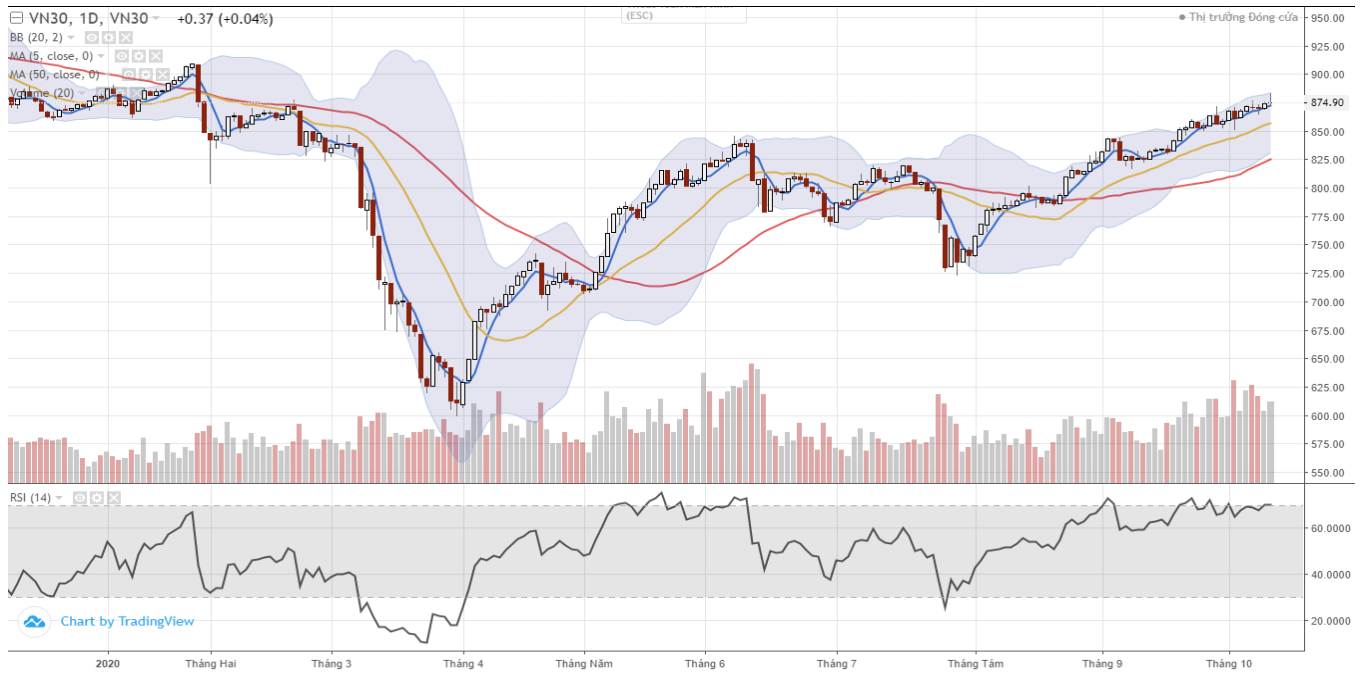
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm nhưng áp lực bán vào cuối phiên đã thu hẹp đà tăng của chỉ số.
- Với việc tạo nền đảo chiều khi tiến lên vùng kháng cự 93x trong khi chỉ số động lượng đang ở vùng quá mua, chúng tôi cho rằng chỉ số đang đối mặt với rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Trong kịch bản giảm điểm, vùng hỗ trợ gần của chỉ số được xác định tại quanh 905 và vùng hỗ trợ sâu hơn tại 890-895.
- Sau khi chốt lời một phần vị thế ở vùng đích kì vọng, NĐT được khuyến nghị canh những nhịp giảm để mở lại từng phần vị thế ở các vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 diễn biến tăng điểm nhưng áp lực bán tại vùng kháng cự đã khiến chỉ số hình thành mẫu nến doji tiêu cực với bóng nến trên dài.
- Việc xuất hiện mẫu nến đảo chiều tại vùng kháng cự mạnh làm gia tăng khả năng rơi vào nhịp điều chỉnh của chỉ số. Rủi ro điều chỉnh sẽ rõ nét hơn nếu mẫu nến ngày mai diễn biến tiêu cực, đóng vai trò xác nhận cho mô hình shooting star. Trong kịch bản điều chỉnh, vùng hỗ trợ gần của chỉ số tại 850-855 và vùng hỗ trợ sâu tại 83x.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT tại các nhịp hồi phục lên quanh các vùng kháng cự trong phiên.



KBSV danh mục đầu tư mẫu

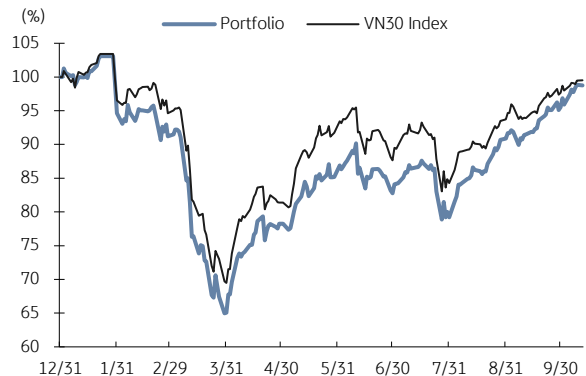
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.04%	-0.11%
Tăng lũy kế (YTD)	-0.47%	-1.26%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	107,500	-1.4%	-7.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,500	-0.6%	8.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	62,000	-1.9%	-19.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,550	0.0%	2.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,700	-0.7%	22.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,900	0.2%	52.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,100	5.2%	19.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,000	0.6%	-18.7%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	28,250	-0.9%	44.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,350	-1.7%	4.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.9%	34.0%	31.6
SSI	-0.8%	50.1%	13.8
VCB	1.3%	23.6%	12.2
DCM	-1.2%	2.3%	11.7
GAS	0.9%	3.1%	9.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CTG	5.2%	29.9%	-183.8
MSN	3.1%	38.1%	-88.6
VRE	-2.0%	30.7%	-25.0
DIG	-1.4%	33.2%	-21.3
VNM	0.3%	58.1%	-17.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NTP	0.3%	18.9%	2.0
SHS	1.5%	5.6%	1.9
PVS	-3.5%	9.9%	0.9
AMV	-0.6%	3.3%	0.5
IDV	-0.8%	15.5%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-0.6%	6.5%	-0.8
TNG	-2.3%	9.2%	-0.3
CIA	-3.6%	1.4%	-0.2
TXM	-6.4%	14.9%	-0.2
SED	-8.1%	14.9%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	8.6%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	3.6%	MSN, SAB
Tài nguyên Cơ bản	2.9%	HPG, TTF
Bán lẻ	2.8%	MWG, PET
Hóa chất	2.0%	GVR, DPR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.7%	AAA, YEG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.0%	GEX, ASG
Dầu khí	-2.0%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	-1.7%	BMP, CTD
Du lịch và Giải trí	-1.0%	HVN, VNG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	13.6%	HPG, HSG
Bán lẻ	12.5%	MWG, PET
Dịch vụ tài chính	11.3%	SSI, VCI
Bảo hiểm	8.3%	BVH, BMI
Hóa chất	7.7%	GVR, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-9.4%	AAA, YEG
Du lịch và Giải trí	-2.5%	HVN, VJC
Dầu khí	-0.5%	PLX, PVD
Bất động sản	0.3%	VRE, BCM
Công nghệ thông tin	1.7%	SAM, CMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	93,900	317,610 (13,702)	40,914 (1.8)	22.9	51.2	37.6	21.9	6.6	8.7	3.6	3.3	0.3	0.6	3.1	-18.3
	VHM	VINHOMES JSC	77,500	254,937 (10,999)	146,911 (6.3)	27.0	9.5	8.3	35.0	38.5	30.8	3.0	2.2	0.6	2.0	-0.3	-8.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,100	61,580 (2,657)	74,083 (3.2)	18.3	24.3	17.9	2.8	9.1	11.7	2.2	2.0	-2.0	-1.1	-4.6	-20.3
	NVL	NO VA LAND INVES	62,500	61,598 (2,657)	83,500 (3.6)	32.6	16.7	17.3	1.9	14.1	11.9	2.4	-	-0.2	-1.3	-0.6	5.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,100	13,467 (581)	13,451 (0.6)	7.4	12.4	10.3	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	-0.6	-2.4	0.0	-5.9
	DXG	DAT XANH GROUP	10,850	5,623 (243)	52,274 (2.3)	14.3	10.9	5.3	-39.2	5.5	14.0	0.7	0.6	-3.1	-0.9	8.8	-25.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,900	318,593 (13,745)	86,842 (3.7)	6.4	19.4	16.8	10.3	19.7	18.8	3.2	2.7	1.3	2.9	4.4	-4.8
	BID	BANK FOR INVESTM	40,950	164,702 (7,106)	59,342 (2.6)	12.6	35.0	20.3	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	1.5	1.4	1.2	-11.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,200	74,203 (3,201)	119,502 (5.2)	0.0	7.3	6.2	3.9	15.6	15.5	1.0	0.9	-0.7	-6.0	-0.5	-10.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	29,100	108,351 (4,675)	171,805 (7.4)	0.1	15.7	12.8	18.7	10.2	11.4	1.4	1.2	5.2	5.8	13.7	39.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,400	57,043 (2,461)	123,083 (5.3)	0.0	6.9	6.4	5.5	17.8	16.0	1.1	1.0	0.0	-3.3	2.4	17.0
	MBB	MILITARY COMMERC	17,550	48,669 (2,100)	137,733 (5.9)	0.0	6.8	5.7	7.0	18.0	17.6	1.1	0.9	0.0	-0.8	13.1	-3.0
	HDB	HDBANK	24,350	30,576 (1,319)	41,578 (1.8)	9.7	7.6	6.7	20.1	20.2	20.1	1.3	1.1	-0.6	-1.8	4.3	14.9
	STB	SACOMBANK	13,300	23,989 (1,035)	263,603 (11.4)	14.5	12.6	9.6	16.4	7.9	9.2	0.9	0.8	-1.8	-2.9	19.3	32.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,800	20,251 (874)	53,137 (2.3)	0.0	6.7	5.5	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	-0.4	-1.4	7.1	17.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,200	21,146 (912)	5,914 (0.3)	0.1	37.0	35.5	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.3	-0.9	3.0	-3.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	52,900	39,269 (1,694)	41,253 (1.8)	20.7	32.1	27.2	2.6	6.3	7.7	2.0	1.9	6.2	10.2	11.0	-22.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	29,100	2,658 (115)	12,175 (0.5)	14.7	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	0.5	1.2	18.8	17.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,850	10,727 (463)	102,467 (4.4)	49.9	12.3	10.0	-16.8	9.0	10.6	1.0	1.0	-0.8	-2.2	13.3	14.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	35,000	5,796 (250)	26,403 (1.1)	71.9	-	-	-	-	-	-	-	2.9	8.7	25.9	18.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,150	6,757 (291)	65,510 (2.8)	51.0	-	-	-	-	-	-	-	-1.8	-0.7	11.9	3.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,800	3,295 (142)	24,759 (1.1)	16.4	14.2	8.9	-19.1	7.4	11.2	1.0	0.9	-0.9	3.9	26.4	9.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,000	223,593 (9,646)	190,304 (8.2)	41.9	21.5	20.0	6.6	37.9	38.6	7.5	6.8	0.3	-0.3	3.7	10.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	188,100	120,625 (5,204)	15,059 (0.6)	36.9	29.0	24.8	0.6	21.6	23.8	5.9	5.3	-2.5	2.0	0.1	-17.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	70,200	82,463 (3,558)	126,019 (5.4)	10.9	93.7	36.6	-57.2	2.3	6.8	2.3	2.4	3.1	25.4	27.6	24.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,800	13,081 (564)	23,072 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.5	-2.9	-4.5	-15.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,000	55,003 (2,373)	42,497 (1.8)	12.5	-	15.9	-	8.9	21.4	3.4	3.2	0.6	0.2	-0.8	-28.2
	GMD	GEMADEPT CORP	23,950	7,111 (307)	14,955 (0.6)	0.0	18.0	15.7	-54.0	6.8	7.5	1.2	1.2	-1.0	-4.2	1.5	2.8
	CII	HO CHI MINH CITY	18,900	4,514 (195)	37,416 (1.6)	35.4	9.5	8.8	142.2	9.6	9.4	0.9	0.8	-0.5	-0.5	5.3	-16.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,320	1,317 (057)	18,284 (0.8)	47.0	-	-	-	-	-	-	-	1.3	5.5	6.4	-86.6
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,600	10,621 (458)	151,045 (6.5)	35.1	27.7	11.9	-20.9	10.5	13.6	-	-	-0.9	-5.0	10.5	16.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	64,500	4,921 (212)	76,533 (3.3)	2.0	7.9	8.5	-33.3	7.5	7.0	0.6	0.6	5.0	-3.7	12.5	25.7
	REE	REE	41,700	12,929 (558)	18,437 (0.8)	0.0	8.5	7.5	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	-0.7	-0.6	7.8	14.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,000	143,546 (6,193)	54,587 (2.4)	45.9	19.1	15.0	-17.2	15.8	18.4	2.8	2.6	0.9	3.4	4.5	-20.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,200	6,679 (288)	5,231 (0.2)	29.9	10.1	10.2	-5.4	16.4	16.5	1.6	1.6	-1.7	-1.3	-2.3	7.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,650	7,582 (327)	5,052 (0.2)	33.2	8.7	7.9	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.2	-1.5	0.2	-2.7	-12.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	28,250	93,600 (4,038)	375,553 (16.2)	15.0	9.7	8.1	5.5	18.2	19.1	1.6	1.4	-0.9	3.3	15.5	44.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,200	6,731 (290)	56,711 (2.4)	36.8	11.0	12.1	0.5	8.9	7.9	0.8	0.8	-1.1	-0.6	2.1	32.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	11,950	6,326 (273)	41,556 (1.8)	46.7	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	-1.2	27.1	83.8
	HSG	HOA SEN GROUP	15,800	7,021 (303)	221,714 (9.6)	38.5	8.4	8.5	45.8	14.4	12.5	1.1	1.0	0.6	2.3	32.8	112.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,150	2,566 (111)	28,445 (1.2)	97.8	5.7	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	-0.8	-2.4	-3.2	-4.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,350	60,148 (2,595)	19,370 (0.8)	3.9	48.0	17.6	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	-0.8	-1.7	-0.7	-11.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,650	4,906 (212)	86,079 (3.7)	38.4	51.3	27.5	-20.4	0.8	0.7	0.4	0.4	-3.7	-5.3	6.9	-22.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,650	3,842 (166)	35,574 (1.5)	29.2	9.0	7.8	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	-2.2	-6.5	17.7	-18.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	107,500	48,663 (2,099)	95,679 (4.1)	0.0	13.3	10.2	9.9	26.5	27.3	3.2	2.6	-1.4	3.4	15.1	-5.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	62,000	13,958 (602)	42,856 (1.8)	0.0	15.8	13.4	-1.8	21.0	22.7	2.8	2.5	-1.9	1.3	4.2	-27.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,750	1,320 (057)	616 (0.0)	69.3	18.8	13.7	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-6.0	-6.4	-8.7	20.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,600	1,864 (080)	18,077 (0.8)	13.1	15.8	10.7	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	-3.5	-1.9	-2.1	12.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	56,000	7,588 (327)	53,899 (2.3)	36.2	7.7	7.4	24.7	35.8	30.2	2.5	2.2	-3.1	-4.6	-4.3	46.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,600	13,807 (596)	805 (0.0)	45.2	20.7	19.1	8.0	20.3	19.8	3.9	3.6	0.8	1.4	1.1	15.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,000	5,176 (223)	378 (0.0)	37.9	14.7	-	7.3	16.4	-	2.4	-	-1.6	0.0	-2.0	27.1
IT	FPT	FPT CORP	50,900	39,901 (1,721)	83,747 (3.6)	0.0	11.5	9.9	19.9	23.4	24.5	2.4	2.2	0.2	0.8	3.6	0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.